

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định giá dịch vụ xe ra,
vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 8 năm 2010 của liên Bộ: Tài chính - Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải V/v quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Hậu Giang để áp dụng đối với các đơn vị khai thác bến xe, đơn vị vận tải tham gia vận tải hành khách theo tuyến cố định từ các bến xe trong địa bàn tỉnh Hậu Giang đi các nơi khác, cụ thể như sau:

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô (giá chưa bao gồm thuế VAT) từ loại 1 đến loại 6: (loại bến xe được quy định tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải V/v quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ).

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô thu theo trọng tải ghế xe ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô cho từng loại bến xe:

(a) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô bến loại 1:

- Trên 150 km thu: 2.600 đ/ghế.

- Từ 60 km đến 150 km thu: 2.400 đ/ghế.

- Dưới 60 km thu: 2.150 đ/ghế.

(b) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô bến loại 2 được tính bằng 95% bến loại 1.

(c) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô bến loại 3 được tính bằng 90% bến loại 1.

(d) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô bến loại 4 được tính bằng 85% bến loại 1.

(đ) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô bến loại 5 được tính bằng 80% bến loại 1.

(e) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô bến loại 6 được tính bằng 75% bến loại 1.

4. Giá xe đậu qua đêm:
- | | |
|---|------------------|
| a. Xe khách có trọng tải dưới 25 ghế: | 10.000 đ/xe/đêm. |
| b. Xe khách có trọng tải từ 25 ghế trở lên: | 12.000 đ/xe/đêm. |
| c. Xe tải có trọng tải dưới 2,5 tấn: | 10.000 đ/xe/đêm. |
| d. Xe tải có trọng tải từ 2,5 tấn trở lên: | 12.000 đ/xe/đêm. |
5. Giá thu hoa hồng vé: 1.500 đ/vé.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải căn cứ Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm theo đúng quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản, BTP;
- TT: TU; HĐND, UBND tỉnh;
- VP. TU, Các ban Đảng;
- UBMTTQ, Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Phòng Văn bản, Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KT. HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Liên Khoa